



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo Tài chính giữa niên độ cho giai đoạn
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số	0102004703	ngày 11/3/2002
	0102004703, điều chỉnh lần 1	ngày 27/10/2003
	0102004703, điều chỉnh lần 2	ngày 27/2/2006
	0102004703, điều chỉnh lần 3	ngày 3/8/2007
	0103018927	ngày 8/8/2007
	0103018927, điều chỉnh lần 1	ngày 20/8/2009
	0103018927, điều chỉnh lần 2	ngày 23/10/2009
	0103018927, điều chỉnh lần 3	ngày 25/5/2010
	0103018927, điều chỉnh lần 4	ngày 21/6/2010
	0103018927, điều chỉnh lần 5	ngày 4/11/2010
	0103018927, điều chỉnh lần 6	ngày 4/3/2011
	0103018927, điều chỉnh lần 7	ngày 16/3/2011
	0103018927, điều chỉnh lần 8	ngày 21/6/2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Hội đồng Thành viên

Trần Xuân Kiên	Chủ tịch
Đỗ Thị Thu Hương	Thành viên
Srisant Chitvaranund	Thành viên
Nghiêm Xuân Thắng	Thành viên
Phạm Đắc Huệ	Thành viên
Hoàng Anh Tuấn	Thành viên
Bùi Xuân Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Trần Xuân Kiên	Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám Đốc
Nghiêm Xuân Thắng	Giám đốc điều hành

Trụ sở đăng ký

1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng
Quận Đống Đa
Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2011. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn cán bộ của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các dữ liệu tài chính và do đó chỉ đạt được sự đảm bảo thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Do chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Dựa vào công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề nào khiến chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG
Việt Nam**

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán: 11-02-050R



Trần Anh Quân
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0306/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Trần Hằng Thu
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0877/KTV

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

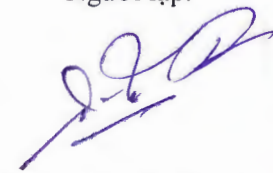
	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		266.210.986.764	244.326.570.602
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	155.263.923.336	122.446.585.418
Tiền	111		10.350.179.652	7.346.585.418
Các khoản tương đương tiền	112		144.913.743.684	115.100.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.500.000.000	2.350.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		3.500.000.000	2.350.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4	3.637.525.722	6.684.044.747
Phải thu khách hàng	131		1.398.495.063	5.812.355.963
Trả trước cho người bán	132		2.239.030.659	871.688.784
Hàng tồn kho	140	5	57.792.686.511	60.445.297.381
Hàng tồn kho	141		60.585.014.490	63.237.625.360
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.792.327.979)	(2.792.327.979)
Tài sản ngắn hạn khác	150		46.016.851.195	52.400.643.056
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		296.136.278	1.198.022.119
Tài sản ngắn hạn khác	158		45.720.714.917	51.202.620.937
Tài sản dài hạn	200		6.971.031.751	7.952.040.681
Tài sản cố định	220		5.549.714.337	5.753.659.866
Tài sản cố định hữu hình	221	6	5.304.287.457	5.494.588.420
Nguyên giá	222		11.584.348.516	10.176.158.948
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.280.061.059)	(4.681.570.528)
Tài sản cố định vô hình	227	7	168.926.880	259.071.446
Nguyên giá	228		908.414.960	908.414.960
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(739.488.080)	(649.343.514)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	76.500.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.421.317.414	2.198.380.815
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.421.317.414	2.198.380.815
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		273.182.018.515	252.278.611.283

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		67.037.200.070	73.082.006.212
Nợ ngắn hạn	310		66.513.353.820	72.515.609.962
Phải trả người bán	312		51.103.351.829	44.771.170.904
Người mua trả tiền trước	313		1.137.780.914	1.025.823.347
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	5.887.645.802	6.688.073.456
Phải trả công nhân viên	315		3.307.450.239	5.669.749.190
Chi phí phải trả	316		1.187.839.330	700.400.894
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	11	2.369.916.092	13.324.960.203
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.519.369.614	335.431.968
Nợ dài hạn	330		523.846.250	566.396.250
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	12	523.846.250	566.396.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		206.144.818.445	179.196.605.071
Vốn chủ sở hữu	410		206.144.818.445	179.196.605.071
Vốn cổ phần	411	13	81.215.060.000	58.011.480.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		68.613.164.001	68.613.164.001
Cổ phiếu quỹ	414	13	(2.500.000)	(2.500.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417	14	424.368.000	424.368.000
Quỹ dự phòng tài chính	418	14	5.100.880.563	3.268.517.815
Lợi nhuận chưa phân phối	420		50.793.845.881	48.881.575.255
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		273.182.018.515	252.278.611.283

Người lập:



Phan Quang Trường
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

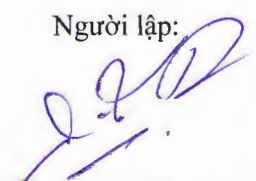
12 -08- 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011	Giai đoạn từ 1/1/2010 đến 30/06/2010
Doanh thu	01	15	735.651.405.718	549.899.293.455
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	(4.339.014.315)	(2.912.798.363)
Doanh thu thuần	10		731.312.391.403	546.986.495.092
Giá vốn hàng bán	11		(660.578.884.593)	(488.036.217.117)
Lợi nhuận gộp	20		70.733.506.810	58.950.277.975
Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	9.616.889.423	1.190.744.311
Chi phí bán hàng	24		(34.037.462.000)	(34.554.554.330)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(7.539.522.356)	(7.627.743.932)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.773.411.877	17.958.724.024
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		134.438.593	144.018.243
Chi phí khác	32		(297.724.629)	(132.805.310)
Lợi nhuận trước thuế	50		38.610.125.841	17.969.936.957
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	(9.829.549.719)	(5.034.745.482)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		28.780.576.122	12.935.191.475
Lãi trên cổ phiếu		18		Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.544	1.845

Người lập:


 Phan Quang Trường
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Trần Xuân Kiên
 Tổng Giám đốc

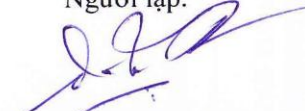
12 -08- 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	47.279.360.000	1.791.279.895	(753.155.895)	424.368.000	1.509.004.735	36.731.352.461	86.982.209.196
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	12.935.191.475	12.935.191.475
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	1.759.513.080	(1.759.513.080)	-
Kết chuyển sang quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.759.513.080)	(1.759.513.080)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(9.367.190.000)	(9.367.190.000)
Mua lại cổ phiếu	-	-	(34.000.000)	-	-	-	(34.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	47.279.360.000	1.791.279.895	(787.155.895)	424.368.000	3.268.517.815	36.780.327.776	88.756.697.591
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	58.011.480.000	68.613.164.001	(2.500.000)	424.368.000	3.268.517.815	48.881.575.255	179.196.605.071
Phát hành cổ phiếu thưởng	23.203.580.000	-	-	-	-	(23.203.580.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	28.780.576.122	28.780.576.122
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	1.832.362.748	(1.832.362.748)	-
Kết chuyển sang quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.832.362.748)	(1.832.362.748)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	81.215.060.000	68.613.164.001	(2.500.000)	424.368.000	5.100.880.563	50.793.845.881	206.144.818.445

Người lập:


 Phan Quang Trường
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Trần Xuân Kiên
 Tổng Giám đốc

12 -08- 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã	Thuyết	Giai đoạn	Giai đoạn
	số	minh	từ 1/1/2011	từ 1/1/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VNĐ	VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ khách hàng	01		808.526.975.363	600.073.606.152
Tiền chi trả cho nhà cung cấp	02		(748.234.847.849)	(577.232.132.342)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.729.852.213)	(15.356.482.091)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(9.912.107.153)	(4.315.631.419)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.494.343.525	2.253.291.105
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.545.021.747)	(2.169.514.232)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		37.599.489.926	3.253.137.173
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.644.798.101)	(3.244.957.908)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	6.200.000
Gửi tài khoản tiền gửi kỳ hạn trên 90 ngày			(3.500.000.000)	-
Tiền thu từ việc rút tài khoản tiền gửi kỳ hạn trên 90 ngày	23		2.350.000.000	2.000.000.000
Thu lãi tiền gửi	27		9.607.912.016	1.165.074.057
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động đầu tư	30		6.813.113.915	(73.683.851)

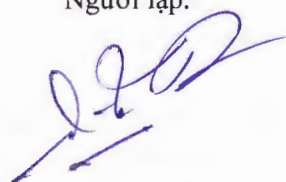
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
(tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND	Giai đoạn từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi mua lại cổ phiếu	32		-	(34.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(11.595.265.923)	(9.367.190.000)
Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính	40		(11.595.265.923)	(9.401.190.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		32.817.337.918	(6.221.736.678)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		122.446.585.418	31.151.723.463
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái tới tiền và các khoản tương đương tiền	61		-	25.670.254
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3	155.263.923.336	24.955.657.039

Người lập:



Phan Quang Trường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

12 -08- 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có 484 nhân viên (31/12/2010: 498 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính giữa niên độ trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng Thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc tính toán hay trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Công ty. Các thuyết minh của báo cáo tài chính được quy định trong Thông tư 210 không yêu cầu các số liệu so sánh do việc áp dụng phi hồi tố.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“VAS 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 - 7 năm |
| ▪ nâng cấp cửa hàng | 3 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(l) Chí phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Công cụ dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(m) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của giai đoạn bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

(t) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	561.367.256	194.904.038
Tiền gửi ngân hàng	8.494.723.296	791.283.007
Tiền đang chuyển	1.294.089.100	6.360.398.373
Các khoản tương đương tiền	144.913.743.684	115.100.000.000
Tiền và các khoản tương đương	155.263.923.336	122.446.585.418

Bao gồm trong tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 có số tiền có đơn vị tiền tệ khác VNĐ trị giá 1.420 triệu VNĐ (31/12/2010: 22 triệu VNĐ).

4. Các khoản phải thu – Ngắn hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, tài khoản phải thu ngắn hạn bao gồm khoản phải thu thương mại từ các bên thứ ba.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu phản ánh mức độ cao nhất của rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu này.

Phần lớn doanh thu bán hàng của Công ty được thực hiện qua những giao dịch trả tiền ngay.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	30/06/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Công cụ và dụng cụ	130.009.059	103.652.820
Thành phẩm	986.377.004	1.808.897.435
Hàng hóa	59.468.628.427	61.325.075.105
	<hr/>	<hr/>
	60.585.014.490	63.237.625.360
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.792.327.979)	(2.792.327.979)
	<hr/>	<hr/>
	57.792.686.511	60.445.297.381

Bao gồm trong hàng hóa tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 có 33.656 triệu VNĐ (31/12/2010: 38.596 triệu VNĐ) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VNĐ	Nâng cấp cửa hàng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	2.773.419.836	5.351.993.214	2.050.745.898	10.176.158.948
Tăng trong kỳ	11.287.879	-	1.282.556.364	1.293.844.243
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	132.620.000	-	132.620.000
Thanh lý	(18.274.675)	-	-	(18.274.675)
Phân loại lại	-	180.000.000	(180.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.766.433.040	5.664.613.214	3.153.302.262	11.584.348.516
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.701.456.403	2.677.230.413	302.883.712	4.681.570.528
Khấu hao trong kỳ	462.155.781	933.598.597	209.335.340	1.605.089.718
Thanh lý	(6.599.187)	-	-	(6.599.187)
Phân loại lại	-	80.250.000	(80.250.000)	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.157.012.997	3.691.079.010	431.969.052	6.280.061.059
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	1.071.963.433	2.674.762.801	1.747.862.186	5.494.588.420
Số dư cuối kỳ	609.420.043	1.973.534.204	2.721.333.210	5.304.287.457

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 1.316 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 (31/12/2010: 94 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	908.414.960
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	649.343.514
Khấu hao trong kỳ	90.144.566
Số dư cuối kỳ	739.488.080
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	259.071.446
Số dư cuối kỳ	168.926.880

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ	-	877.564.568
Tăng trong kỳ	209.120.000	2.622.218.004
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(132.620.000)	(2.104.910.879)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.031.120.893)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(363.750.800)
Số dư cuối kỳ	76.500.000	-

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VNĐ	Chi phí trả trước VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu kỳ	1.579.648.940	618.731.875	2.198.380.815
Tăng trong kỳ	43.674.768	98.159.090	141.833.858
Thanh lý	(527.778)	-	(527.778)
Xóa sổ	(22.244.443)	-	(22.244.443)
Phân bổ trong kỳ	(708.169.722)	(187.955.316)	(896.125.038)
Số dư cuối kỳ	892.381.765	528.935.649	1.421.317.414

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)****10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	900.538.587	1.676.840.221
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.915.545.650	4.998.103.084
Thuế thu nhập cá nhân	705.839	13.130.151
Thuế khác	70.855.726	-
	5.887.645.802	6.688.073.456

11. Phải trả khác

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Cổ tức phải trả	7.030.077	11.602.296.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	616.147.506	926.243.907
Doanh thu chưa thực hiện	352.517.663	512.475.949
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.394.220.846	283.944.347
	2.369.916.092	13.324.960.203

12. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu kỳ	566.396.250
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(42.550.000)
Số dư cuối kỳ	523.846.250

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã đóng 29 triệu VNĐ (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010: 75 triệu VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

13. Vốn góp

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/06/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	8.121.506	81.215.060.000	5.801.148	58.011.480.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.121.506	81.215.060.000	5.801.148	58.011.480.000
	8.121.506	81.215.060.000	5.801.148	58.011.480.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(250)	(2.500.000)	(250)	(2.500.000)
	(250)	(2.500.000)	(250)	(2.500.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.121.256	81.212.560.000	5.800.898	58.008.980.000
	8.121.256	81.212.560.000	5.800.898	58.008.980.000

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Ngày 10 tháng 6 năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng bán cổ phần (“Hợp đồng”) với Công ty TNHH Quỹ Aureos Đông Nam Á (“Aureos”), trong đó Công ty đồng ý:

- Phát hành 1.073.212 cổ phiếu phổ thông mới cho Aureos trị giá 4,2 triệu USD; và
- Nếu Aureos không nhận được lợi nhuận đầu tư theo thỏa thuận tối thiểu trong suốt thời gian 3 năm đầu tư vào Công ty, Aureos có quyền tính một mức phí quản lý nhất định đối với Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo giữa niên độ này, Ban giám đốc Công ty tin rằng không có lý do gì để Công ty phải trả khoản phí quản lý trên.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	30/06/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu kỳ	5.800.898	58.008.980.000	4.692.885	46.928.850.000
Cổ phiếu phổ thông mới phát hành trong kỳ	-	-	1.073.212	10.732.120.000
Cổ phiếu thưởng phát hành trong kỳ	2.320.358	23.203.580.000	-	-
Cổ phiếu quỹ phát hành lại trong kỳ	-	-	71.951	719.510.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	-	(37.150)	(371.500.000)
Số dư cuối kỳ	8.121.256	81.212.560.000	5.800.898	58.008.980.000

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

14. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được lập để phục vụ mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi các quỹ này được sử dụng cho mục đích mở rộng kinh doanh, số tiền được sử dụng sẽ được chuyển sang vốn cổ phần.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Theo các biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 4 năm 2011, Công ty đã chuyển 5% lợi nhuận thuần của Công ty trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 vào quỹ dự phòng tài chính thuộc nguồn vốn chủ sở hữu.

15. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VNĐ	Giai đoạn từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 VNĐ
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu	735.651.405.718	549.899.293.455
Giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(4.339.014.315)	(2.912.798.363)
Doanh thu thuần	731.312.391.403	546.986.495.092

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VNĐ	Giai đoạn từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	9.607.912.016	1.165.074.057
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	8.977.407	25.670.254
	9.616.889.423	1.190.744.311

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VNĐ	Giai đoạn từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện tại	9.726.749.276	5.034.745.482
Dự phòng thiếu cho các năm trước	102.800.443	-
	9.829.549.719	5.034.745.482

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VNĐ	Giai đoạn từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	38.610.125.841	17.969.936.957
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.652.531.460	4.492.484.239
Chi phí không được khấu trừ thuế	74.217.816	542.261.243
Dự phòng thiếu cho các năm trước	102.800.443	-
	9.829.549.719	5.034.745.482

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

18. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 căn cứ vào số lợi nhuận thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trị giá 28.780.576.122VNĐ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010: 12.935.191.475VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông đang lưu hành là 8.121.256 cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010: 7.010.594 cổ phiếu), được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VNĐ	Giai đoạn từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong kỳ	28.780.576.122	12.935.191.475
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.780.576.122	12.935.191.475

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VNĐ	Giai đoạn từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	5.800.898	4.692.885
Phát hành cổ phiếu thưởng trong năm 2011	2.320.358	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu mua lại trong năm	-	(2.649)
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	8.121.256	4.690.236

(iii) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi trên cổ phiếu
Theo báo cáo trước đây	4.690.236	2.758
Điều chỉnh lại do kết quả của việc phát hành cổ phiếu thưởng vào ngày 18 tháng 5 năm 2011	2.320.358	(913)
Đã điều chỉnh lại	7.010.594	1.845

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

19. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan nêu trong các thuyết minh khác trong báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VNĐ	Giai đoạn từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 VNĐ
Các cổ đông		
Trần Xuân Kiên		
Cổ phiếu thưởng nhận được	5.609.200.000	-
Trả cổ tức	2.394.600.000	2.226.800.000
Đỗ Thị Thu Hường		
Cổ phiếu thưởng nhận được	5.296.120.000	-
Trả cổ tức	2.238.060.000	2.238.060.000
Công ty TNHH Aureos South East Asia Fund		
Cổ phiếu thưởng nhận được	4.292.840.000	-
Trả cổ tức	2.146.424.000	-
Phạm Đắc Huệ		
Cổ phiếu thưởng nhận được	540.000.000	-
Trả cổ tức	270.000.000	270.000.000
Hoàng Anh Tuấn		
Cổ phiếu thưởng nhận được	472.000.000	-
Trả cổ tức	236.000.000	236.000.000
Nghiêm Xuân Thắng		
Cổ phiếu thưởng nhận được	150.000.000	-
Trả cổ tức	75.000.000	-
Bùi Xuân Hùng		
Cổ phiếu thưởng nhận được	129.900.000	-
Trả cổ tức	72.950.000	93.950.000
Hội đồng Thành viên và Ban kiểm soát		
Thanh toán tiền lương và thưởng	110.000.000	105.570.000

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

20. Cam kết

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/06/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	22.021.081.890	20.220.347.383
Trong vòng hai đến năm năm	47.837.518.036	48.873.386.321
Sau năm năm	16.866.676.546	20.649.912.398
	<hr/>	<hr/>
	86.725.276.472	89.743.646.102

21. Tài sản thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có tài sản thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.718
	<hr/>

Các nghiệp vụ mua bán của Công ty diễn ra bằng Đồng Việt Nam. Rủi ro ngoại tệ duy nhất Công ty gánh chịu liên quan đến khoản tiền gửi bằng ngoại tệ tại ngân hàng. Vì số tiền gửi ngoại tệ tại ngân hàng này được xem là không trọng yếu đối với hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc Công ty không thực hiện kiểm soát rủi ro này.

Công ty áp dụng các mức tỷ giá hối đoái chủ yếu sau đây:

	Tỷ giá hối đoái tại	
	30/06/2011	31/12/2010
USD 1/VNĐ	20.618	18.932
	<hr/>	<hr/>

Dưới đây là phân tích ảnh hưởng tiềm tàng đối với lợi nhuận ròng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 sau khi xem xét mức tỷ giá hối đoái hiện tại và tình hình biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2011:

	Ảnh hưởng đối với
	lợi nhuận ròng tại
	ngày 30/06/2011
	VNĐ
USD (tăng giá 8%)	111.696.778
	<hr/>

Biến động ngược chiều của các loại tiền tệ nêu trên sẽ có ảnh hưởng ngang bằng nhưng là ảnh hưởng ngược chiều đối với lợi nhuận ròng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

22. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VNĐ	Giai đoạn từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 VNĐ
Hàng hóa và các chi phí liên quan	660.578.884.593	488.036.217.117
Chi phí nhân công	17.945.094.374	14.054.996.865
Chi phí khấu hao	2.591.359.323	2.295.825.947
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.723.273.203	17.210.865.183
Chi phí khác	2.317.257.456	8.620.610.266

Người lập:

Phan Quang Trường
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

12 -08- 2011